Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
Email: ubnd@khanhhoa.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
Ngày ký: 14-05-2025 11:19:13 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1221 /QĐ-UBND	*Khánh Hòa, ngày 13 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch, nuôi con nuôi thực hiện khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 87/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

Căn cứ Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;

Căn cứ Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại bộ, ngành, địa phương năm 2025 và những năm tiếp theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1202/TTr-STP ngày 06/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch, nuôi con nuôi thực hiện khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn việc khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính đủ điều kiện; thực hiện cắt giảm, không yêu cầu người dân nộp/xuất trình giấy tờ hộ tịch đã có trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

b) Tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất các giải pháp đảm bảo việc triển khai thực hiện có hiệu quả, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Các cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính (Sở Tư pháp; UBND cấp huyện; UBND cấp xã) thực hiện niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch, nuôi con nuôi thực hiện khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa của cơ quan, địa phương; tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác phù hợp với thực tế để người dân biết và thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: (VBĐT)
- Như Điều 3 (để thi hành);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT.HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, PT, NgM.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Tuân

PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HỘ TỊCH, NUÔI CON NUÔI THỰC HIỆN KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-UBND ngày 13 /5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên TTHC	Cơ quan giải quyết TTHC	Mã TTHC	Mã quy trình nội bộ tỉnh	Dữ liệu khai thác từ CSDLHTĐT phục vụ giải quyết TTHC	Ghi chú
I	**LĨNH VỰC HỘ TỊCH**					
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Sở Tư pháp	2.000635.000.00.00.H32	016.07.044.1	Dữ liệu đăng ký hộ tịch (khai sinh, kết hôn…)	Thực hiện thủ tục không phụ thuộc nơi đăng ký hộ tịch và nơi cư trú của người yêu cầu
2	Xác nhận thông tin hộ tịch	Sở Tư pháp	2.002516.000.00.00.H32	016.07.050.1	Dữ liệu hộ tịch liên quan đến nội dung cần xác nhận (thay thế giấy tờ hộ tịch liên quan đến nội dung đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch)	Thực hiện thủ tục không phụ thuộc nơi đăng ký hộ tịch và nơi cư trú của người yêu cầu
3	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện	2.000528.000.00.00.H32	016.07.012	- Dữ liệu đăng ký kết hôn (thay thế Giấy chứng nhận kết hôn). - Dữ liệu cấp Giấy chứng sinh (thay thế Giấy chứng sinh).	Dữ liệu cấp Giấy chứng sinh đã kết nối với CSDLHTĐT
4	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện	2.000806.000.00.00.H32	016.07.004	Dữ liệu về tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam cư trú trong nước (Thay thế Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân).	

STT	Tên TTHC	Cơ quan giải quyết TTHC	Mã TTHC	Mã quy trình nội bộ tỉnh	Dữ liệu khai thác từ CSDLHTĐT phục vụ giải quyết TTHC	Ghi chú
5	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện	1.001766.000.00.00.H32	016.07.035	Dữ liệu cấp Giấy báo tử, thông tin tử vong (thay thế Giấy báo tử, giấy tờ chứng minh thông tin tử vong).	Dữ liệu cấp Giấy báo tử, thông tin tử vong đã kết nối với CSDLHTĐT
6	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện	1.001695.000.00.00.H32	016.07.015	Dữ liệu cấp Giấy chứng sinh (thay thế Giấy chứng sinh).	Dữ liệu cấp Giấy chứng sinh đã kết nối với CSDLHTĐT
7	Bổ sung thông tin hộ tịch	UBND cấp huyện	2.000748.000.00.00.H32	016.07.046.1	Dữ liệu đăng ký hộ tịch liên quan đến yêu cầu bổ sung (thay thế: (1) Giấy tờ hộ tịch yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch; (2) Giấy tờ hộ tịch làm căn cứ bổ sung thông tin).	
8	Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc	UBND cấp huyện	2.000748.000.00.00.H32	016.07.046.2	Dữ liệu đăng ký hộ tịch đăng ký hộ tịch liên quan đến yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc (thay thế: (1) Giấy tờ hộ tịch yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc; (2) Giấy tờ hộ tịch làm căn cứ thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc).	
9	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện	2.000522.000.00.00.H32	016.07.017	Dữ liệu đăng ký hộ tịch (thay thế giấy tờ hộ tịch là cơ sở đăng ký lại khai sinh)	

STT	Tên TTHC	Cơ quan giải quyết TTHC	Mã TTHC	Mã quy trình nội bộ tỉnh	Dữ liệu khai thác từ CSDLHTĐT phục vụ giải quyết TTHC	Ghi chú
10	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện	2.000513.000.00.00.H32	016.07.006	Dữ liệu đăng ký hộ tịch (thay thế giấy tờ hộ tịch là cơ sở đăng ký lại kết hôn)	
11	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	UBND cấp huyện	2.000497.000.00.00.H32	016.07.037	Dữ liệu đăng ký hộ tịch (thay thế giấy tờ hộ tịch là cơ sở đăng ký lại khai tử)	
12	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	UBND cấp huyện	2.000635.000.00.00.H32	016.07.044.2	Dữ liệu đăng ký hộ tịch (khai sinh, kết hôn…)	Thực hiện thủ tục không phụ thuộc nơi đăng ký hộ tịch và nơi cư trú của người yêu cầu
13	Xác nhận thông tin hộ tịch	Phòng Tư pháp	2.002516.000.00.00.H32	016.07.050.2	Dữ liệu hộ tịch liên quan đến nội dung cần xác nhận (thay thế giấy tờ hộ tịch liên quan đến nội dung đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch)	Thực hiện thủ tục không phụ thuộc nơi đăng ký hộ tịch và nơi cư trú của người yêu cầu
14	Đăng ký khai sinh	UBND cấp xã	1.001193.000.00.00.H32	016.07.007	- Dữ liệu đăng ký kết hôn (thay thế Giấy chứng nhận kết hôn). - Dữ liệu cấp Giấy chứng sinh (thay thế Giấy chứng sinh).	Dữ liệu cấp Giấy chứng sinh đã kết nối với CSDLHTĐT
15	Đăng ký kết hôn	UBND cấp xã	1.000894.000.00.00.H32	016.07.002	Dữ liệu về tình trạng hôn nhân (Thay thế Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân).	

STT	Tên TTHC	Cơ quan giải quyết TTHC	Mã TTHC	Mã quy trình nội bộ tỉnh	Dữ liệu khai thác từ CSDLHTĐT phục vụ giải quyết TTHC	Ghi chú
16	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	UBND cấp xã	1.001695.000.00.00.H32	016.07.015	Dữ liệu cấp Giấy chứng sinh (thay thế Giấy chứng sinh).	Dữ liệu cấp Giấy chứng sinh đã kết nối với CSDLHTĐT
17	Đăng ký khai tử	UBND cấp xã	1.000656.000.00.00.H32	016.07.018	Dữ liệu cấp Giấy báo tử, thông tin tử vong (thay thế Giấy báo tử, giấy tờ chứng minh thông tin tử vong).	Dữ liệu cấp Giấy báo tử, thông tin tử vong đã kết nối với CSDLHTĐT
18	Đăng ký khai sinh lưu động	UBND cấp xã	1.003583.000.00.00.H32	016.07.010	- Dữ liệu đăng ký kết hôn (thay thế Giấy chứng nhận kết hôn). - Dữ liệu cấp Giấy chứng sinh (thay thế Giấy chứng sinh).	Dữ liệu cấp Giấy chứng sinh đã kết nối với CSDLHTĐT
19	Đăng ký kết hôn lưu động	UBND cấp xã	1.000593.000.00.00.H32	016.07.003	Dữ liệu về tình trạng hôn nhân (Thay thế Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân).	
20	Đăng ký khai tử lưu động	UBND cấp xã	1.000419.000.00.00.H32	016.07.034	Dữ liệu cấp Giấy báo tử, thông tin tử vong (thay thế Giấy báo tử, giấy tờ chứng minh thông tin tử vong).	Dữ liệu cấp Giấy báo tử, thông tin tử vong đã kết nối với CSDLHTĐT
21	Bổ sung thông tin hộ tịch	UBND cấp xã	1.004859.000.00.00.H32	016.07.045.1	Dữ liệu đăng ký hộ tịch liên quan đến yêu cầu bổ sung (thay thế: (1) Giấy tờ hộ tịch yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch; (2) Giấy tờ hộ tịch làm căn cứ bổ sung thông tin).	

STT	Tên TTHC	Cơ quan giải quyết TTHC	Mã TTHC	Mã quy trình nội bộ tỉnh	Dữ liệu khai thác từ CSDLHTĐT phục vụ giải quyết TTHC	Ghi chú
22	Thay đổi, cải chính hộ tịch	UBND cấp xã	1.004859.000.00.00.H32	016.07.045.2	Dữ liệu đăng ký hộ tịch đăng ký hộ tịch liên quan đến yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch (thay thế: (1) Giấy tờ hộ tịch yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; (2) Giấy tờ hộ tịch làm căn cứ thay đổi, cải chính hộ tịch).	
23	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	UBND cấp xã	1.004873.000.00.00.H32	016.07.001	Dữ liệu hộ tịch liên quan đến xác nhận tình trạng hôn nhân (kết hôn; ghi chú kết hôn/ly hôn…).	
24	Đăng ký lại khai sinh	UBND cấp xã	1.004884.000.00.00.H32	016.07.016	Dữ liệu đăng ký hộ tịch (thay thế giấy tờ hộ tịch là cơ sở đăng ký lại khai sinh)	
25	Đăng ký lại kết hôn	UBND cấp xã	1.004746.000.00.00.H32	016.07.005	Dữ liệu đăng ký hộ tịch (thay thế giấy tờ hộ tịch là cơ sở đăng ký lại kết hôn)	
26	Đăng ký lại khai tử	UBND cấp xã	1.005461.000.00.00.H32	016.07.036	Dữ liệu đăng ký hộ tịch (thay thế giấy tờ hộ tịch là cơ sở đăng ký lại khai tử)	
27	Cấp Bản sao trích lục hộ tịch	UBND cấp xã	2.000635.000.00.00.H32	016.07.044.1	Dữ liệu đăng ký hộ tịch (khai sinh, kết hôn…)	Thực hiện thủ tục không phụ thuộc nơi đăng ký hộ tịch và nơi cư trú của người yêu cầu

STT	Tên TTHC	Cơ quan giải quyết TTHC	Mã TTHC	Mã quy trình nội bộ tỉnh	Dữ liệu khai thác từ CSDLHTĐT phục vụ giải quyết TTHC	Ghi chú
II	**LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI**					
1	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	UBND tỉnh	1.003976.000.00.00.H32	016.11.006	Dữ liệu đăng ký khai sinh (thay thế Giấy khai sinh).	- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tham mưu giải quyết: Sở Tư pháp; - Áp dụng đối với hồ sơ của người được nhận làm con nuôi.
2	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	UBND tỉnh	1.004878.000.00.00.H32	016.11.007	Dữ liệu đăng ký khai sinh (thay thế Giấy khai sinh).	- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tham mưu giải quyết: Sở Tư pháp; - Áp dụng đối với hồ sơ của người được nhận làm con nuôi nộp tại địa phương.
3	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	UBND cấp xã	2.001263.000.00.00.H32	016.11.001	Dữ liệu đăng ký khai sinh (thay thế Giấy khai sinh).	